

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2019/DS-PT

Ngày: 18 - 7 - 2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Thiềm Quốc Khanh

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Lâm Thành Them– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 và 18 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 174/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thị trấn L, huyện I, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984. (Văn bản ủy quyền ngày 03/12/2018)

Địa chỉ: Phường H, Quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Bùi Ngọc T** - Văn phòng luật sư Bùi Ngọc T thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Lương Thị T**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thị trấn L, huyện I, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2019)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Phường B, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thị trấn L, huyện I, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lương Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà Lương Thị T có chơi hội tháng do bà Nguyễn Thị M làm chủ gồm:

1. Chân hội tháng 05 triệu đồng khai vào ngày 15-6-2016 al. Có 15 phần, bà T chơi 04 phần. Bà T đã hốt xong. Đến nay đã mãn. Còn lại 03 lần không đóng với số tiền 60 triệu đồng.

2. Chân hội tháng 05 triệu đồng khai vào ngày 25-8-2016 al. Có 15 phần, bà T chơi 02 phần. Bà T đã hốt xong 02 phần. Đến nay hội đã mãn. Còn lại 05 lần không đóng với số tiền 50 triệu đồng.

3. Chân hội tháng 05 triệu đồng khai vào ngày 02-12-2016 al. Có 15 phần, bà T chơi 02 phần. Bà T đã hốt xong. Đến nay đã mãn. Còn lại 09 lần không đóng với số tiền 90 triệu đồng.

4. Chân hội tháng 05 triệu đồng khai vào ngày 09-02-2017 al. Có 15 phần, bà T chơi 02 phần. Bà T đã hốt xong. Đến nay đã mãn. Còn lại 11 lần không đóng với số tiền 110 triệu đồng.

5. Chân hội tháng 02 triệu đồng khai vào ngày 02-01-2017 al. Có 15 phần, bà T chơi 01 phần. Bà T đã hốt xong 01 phần. Đến nay hội đã mãn. Còn lại 06 lần không đóng với số tiền 12 triệu đồng.

6. Chân hội tháng 02 triệu đồng khai vào ngày 09-02-2017 al. Có 15 phần, bà T chơi 01 phần. Bà T đã hốt xong 01 phần. Đến nay hội đã mãn. Còn lại 07 lần không đóng với số tiền 14 triệu đồng.

Ngoài ra, vào ngày 25-5-2017, bà Nguyễn Thị M có cho bà T vay số tiền 200 triệu đồng, lãi suất 3%, bà T không đóng lãi cho bà lần nào.

Nay bà khởi kiện, yêu cầu bà T trả cho bà số tiền hội là 336 triệu đồng và số tiền vay là 200 triệu đồng. Không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn.

- Bị đơn bà Lương Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận có chơi hội tháng do bà Nguyễn Thị M làm chủ nhưng mỗi lần khai hội và hốt hội thì bà T đều thanh toán cho bà Nguyễn Thị M. Đối với phần tiền vay thì trước đây bà T có vay tiền của bà Nguyễn Thị M nhưng bà

T đã đóng lãi và trả vốn cho bà Nguyễn Thị M rồi. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M thì bà T không đồng ý do bà đã thực hiện xong việc trả tiền hui và tiền vay.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày thống nhất với bị đơn.

Vụ việc được hòa giải không thành nên đưa ra xét xử. Tại bản án số 31/2019/DSST ngày 19-3-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc bị đơn bà Lương Thị T trả số tiền nợ hui cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M với số tiền là 336.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu triệu đồng) và số tiền vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Kể từ khi cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 13/2019/QĐ-BPKCTT ngày 11/01/2019 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số: 12/2019/QĐ-BPBD ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai bị hủy bỏ. Nguyên đơn được nhận lại tiền đảm bảo 200.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (SACOMBANK) – Phòng giao dịch Thới Lai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 02/4/2019 bị đơn bà Lương Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thể hiện quan điểm:

- Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Bị đơn yêu cầu bác yêu cầu của nguyên đơn.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lý do bị đơn thừa nhận có tham gia chơi nhiều dây hui, có hốt hui không đóng lại hui chết, thừa nhận có nợ nhưng cho rằng đã trả toàn bộ các khoản nợ hui và nợ vay nhưng không có chứng cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn đã trả dứt nợ nên án sơ thẩm xét xử có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

- Về hình thức kháng cáo: Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đầy đủ được xem là kháng cáo hợp lệ.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Phần nợ hui bị đơn tham gia 06 dây hui chưa đóng hui chết nên còn nợ lại nguyên đơn 336 triệu đồng, đối với nợ vay 450 triệu đồng, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả 250 triệu đồng, còn lại 200 triệu đồng. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên án sơ thẩm, bác kháng cáo của bị đơn đối với phần kháng cáo của bị đơn. Về việc sơ thẩm không ghi biên bản, đề nghị khởi tố Kiểm sát viên và Hội đồng xét xử sơ thẩm, phiên tòa này chưa có căn cứ và thẩm quyền xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật: Nguyên đơn, bị đơn có giao dịch về hui và vay tài sản. Nay xảy ra tranh chấp: Nguyên đơn cho rằng bị đơn hốt hui sống nhưng không đóng lại hui chết. Vay tiền vốn nhưng không đóng lãi và trả vốn; bị đơn không thừa nhận, vì vậy nguyên đơn khởi kiện. Tranh chấp được xác định: “Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Bị đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn và còn đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Phiên tòa sơ thẩm không có thư ký ghi biên bản phiên tòa, đại diện bị đơn yêu cầu cho xem biên bản phiên tòa nhưng Hội đồng xét xử không cho xem. Bị đơn có gửi đơn cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai và Chánh án Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đề nghị khởi tố Kiểm sát viên tham dự phiên tòa sơ thẩm và kể cả Hội đồng xét xử, tuy nhiên chưa được trả lời từ Viện trưởng Viện kiểm sát và Chánh án Tòa án nhân dân huyện Thới lai. Vì vậy, đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Đối với nợ hui: Nguyên đơn đòi số tiền hui chết, bị đơn thừa nhận có chơi hui và những người cùng chơi hui cũng thừa nhận các dây hui, phần hui, số lần hốt hui, số tiền nhận được. Bị đơn thừa nhận có hốt hui nhưng cho rằng đã đóng lại hui chết đầy đủ cho nguyên đơn; bị đơn còn nại ra rằng bị đơn đóng hui chết không có người làm chứng cũng như nguyên đơn làm chủ hui không ghi chép sổ sách theo Nghị định 144.

Tuy nhiên, lời nại ra này có mâu thuẫn với lời khai của bị đơn vì bị đơn thừa nhận khi hốt hui: *“Bà Nguyễn Thị M có đưa giấy hui cho tôi nhưng lâu quá*

nên tôi không còn giữ giấy tờ này” ... (BL: 58), đây là lỗi của bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị đơn không có gì chứng minh cho việc đã đóng hội chết. Vì vậy, nguyên đơn đòi bị đơn phải trả số tiền nợ hội 336 triệu đồng là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn:

Tại Tòa bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn 450.000.000đ, tuy nhiên bị đơn đã trả đủ cho nguyên đơn, cụ thể: Một lần trả 200.000.000đ, một lần 50.000.000đ, một lần khác trả thay cho nguyên đơn 200.000.000đ (do trước đây nguyên đơn mượn của bà Hoa).

Theo nguyên tắc có vay thì phải có trả, vay tiền có biên nhận, khi trả nợ thì buộc người trả nợ phải biết nhận lại biên nhận nợ. Trong vụ kiện này hai bên không thiết lập biên nhận nợ trong giao dịch. Vậy, lời thừa nhận của bị đơn có vay 450.000.000đ của nguyên đơn thì đây là chứng cứ buộc bị đơn phải trả nợ. Tuy nhiên, nguyên đơn đã thừa nhận số nợ trên bị đơn đã trả hai lần: Lần một 50.000.000đ, lần hai 200.000.000đ, tổng cộng 250.000.000đ, số nợ còn lại 200.000.000đ. Lời thừa nhận này đã chứng minh cho bị đơn đã trả xong số tiền 250.000.000đ trong tổng số tiền nợ 450.000.000đ. Vậy, số nợ còn lại bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 200.000.000đ.

Tuy bị đơn nại ra nhiều lý do đã trả dứt nợ vay cho nguyên đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận đầy đủ lời nại ra này của bị đơn. Nếu nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiếp cho nguyên đơn 200.000.000đ còn lại và không tính lãi của cả hai khoản nợ vay và nợ hội nêu trên là có lợi cho bị đơn.

Căn cứ phân tích, đề nghị của luật sư, đại diện Viện kiểm sát, nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn nên giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác kháng cáo của bị đơn là phù hợp. Đối với đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm không ghi biên bản phiên tòa, không cho bị đơn xem biên bản, lý do này chưa có căn cứ hủy án sơ thẩm. Đối với yêu cầu khởi tố Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm và khởi tố cả Hội đồng xét xử sơ thẩm. Vấn đề này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hội đồng xét xử phúc thẩm hôm nay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên buộc bị đơn chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm:

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 13/2019/QĐ-BPKCTT ngày 11/01/2019 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số: 12/2019/QĐ-BPBD ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ sẽ được hủy bỏ kể từ khi cơ quan thi hành án dân sự ra Quyết định thi hành bản án này thì nguyên đơn được nhận lại số tiền đảm bảo 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng theo quyết định số 12/2019/QĐ-BPBD ngày 11/01/2019 nêu trên tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (SACOMBANK) - Phòng giao dịch Thới Lai.

Qua phân tích trên thấy rằng: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và quan điểm biện hộ của luật sư bảo vệ cho nguyên đơn có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác kháng cáo của bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 440, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Buộc bị đơn bà Lương Thị T trả số nợ hui: 336.000.000đ và số nợ vay: 200.000.000đ. Tổng cộng: 536.000.000đ (Năm trăm ba mươi sáu triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị M.

2/ Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thi hành thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu thêm mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

3/ Kể từ khi cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2019/QĐ-BPKCTT ngày 11/01/2019 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 12/2019/QĐ-BPBD ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai được hủy bỏ. Nguyên đơn được nhận lại số tiền đảm bảo 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (SACOMBANK) – Phòng giao dịch

Thới Lai theo Quyết định số 12/2019/QĐ-BPBD ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Lương Thị T phải chịu 25.440.000đ (hai mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí: 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002993 ngày 14/12/2018.

5/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chuyển 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003151 ngày 08/4/2019 thành án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự đóng án phí, nhận lại tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Án xử ngày 17/7/2019, tuyên án ngày 18/7/2019.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND H. Thới Lai;
- VKSND TP. Cần Thơ ;
- Chi cục THA H. Thới lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng